

Số: /BC-UBND

An Lão ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính quý I**  
**phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2021**

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Bình Định.

Thực hiện Quyết định số 56/2020/QĐ-UBND ngày 11/08/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc quy định chế độ báo cáo lĩnh vực Nội vụ. UBND huyện An Lão báo cáo kết quả công tác Cải cách hành chính quý I/2021 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Về kế hoạch cải cách hành chính**

Ngày 29/12/2020 UBND huyện ban hành Quyết định số 3945/QĐ-UBND “V/v ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 trên địa bàn huyện An Lão” với 34 nhiệm vụ trên 6 lĩnh vực cải cách hành chính trên cơ sở đó tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn tập trung thực hiện các nội dung theo đúng kế hoạch đề ra. Đồng thời, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương ngày càng đi vào hoạt động nề nếp và đạt hiệu quả.

Căn cứ kế hoạch của UBND huyện các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn chủ động triển khai và cụ thể hóa các nội dung theo kế hoạch CCHC năm 2021 tại đơn vị theo đúng tiến độ đã đề ra ngay từ đầu năm.

Các cơ quan, đơn vị được UBND huyện phân công chủ trì các nội dung CCHC đã ban hành các Kế hoạch triển khai như: Kế hoạch kiểm soát TTHC, Kế hoạch kiểm tra, rà soát Văn bản QPPL; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn huyện năm 2021, ... làm cơ sở để triển khai thực hiện các nhiệm vụ về CCHC đảm bảo mục tiêu chung đề ra

**2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

Để tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2020, triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021, UBND huyện đã tổ chức hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính để đánh giá toàn diện kết quả thực hiện trong năm 2020, những tồn tại, hạn chế cần khắc phục, phương hướng thực hiện có hiệu quả trong năm 2021 đồng

thời chỉ đạo cho các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục triển khai, quán triệt, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn chấp hành tốt các chủ trương của Trung ương, tỉnh, huyện về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính và chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính trong các cơ quan, quản lý nhà nước trên địa bàn huyện.

Ngày 21/02/2020 UBND huyện đã Ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND “Về việc triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính đối với UBND các xã, thị trấn”. Chỉ đạo Hội đồng thẩm định chỉ số cải cách hành chính triển khai thẩm định chỉ số cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn năm 2020 theo quyết định 2875/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND huyện. Dự kiến hoàn thành Kế hoạch thẩm định và công bố chỉ số chỉ số CCHC cấp xã vào cuối tháng 3/2020;

### **3. Về kiểm tra cải cách hành chính**

Để tiếp tục nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, UBND huyện thành lập Đoàn kiểm tra và phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị các nội dung cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt hiệu quả. Kết hợp tổ chức thẩm định chỉ số cải cách hành chính năm 2020 với kiểm tra việc khắc phục các tồn tại hạn chế sau đợt kiểm tra cải cách hành chính năm 2020.

### **4. Về công tác tuyên truyền CCHC**

Ngay từ đầu năm UBND huyện đã ban hành Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 “V/v ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính huyện An Lão năm 2021”. Trong thời gian qua các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền, tăng cường đa dạng hóa các nội dung thông tin, tuyên truyền, tích cực tuyên truyền đến đội ngũ công chức, viên chức trên địa bàn huyện các chủ trương của Đảng, nhà nước về mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính; Tăng cường đưa tin, bài về CCHC trên trang thông tin điện tử huyện, đài truyền thanh huyện, đài truyền thanh các xã, thị trấn; cập nhật, công khai, đầy đủ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, xã tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Qua các hình thức tuyên truyền thiết thực đã góp phần đưa công tác cải cách hành chính đến gần với dân hơn, đồng thời góp phần tạo điều kiện cho người dân vào việc giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện

Ngày 04/03/2021 UBND huyện đã ban hành Quyết định số 374/QĐ-UBND về việc ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND & UBND huyện hết hiệu lực toàn bộ năm 2020. Đồng thời để phát hiện những tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL, ngày 24/01/2021 UBND huyện ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND “Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2020”.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Ngày 24/02/2021 UBND huyện đã ban hành Quyết định 357/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 trên địa bàn huyện. UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện tuyên truyền phổ biến pháp luật như: Tuyên truyền đôn đốc vận động thu các loại thuế, tuyên truyền ổn định an ninh trật tự trên địa bàn, tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích trẻ em năm 2021, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, tuyên truyền các biện pháp phòng chống covid...

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

Triển khai Quyết định số 983/UBND-KSTT ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh Bình Định “V/v ban hành quy chế hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định ngày 01/03/2021 UBND huyện đã ban hành Công văn số 181/UBND về việc triển khai thực hiện quy chế thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cập nhật, công khai, đăng tải các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên trang thông tin điện tử huyện và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã. Để công dân, tổ chức, doanh nghiệp dễ tra cứu, tìm hiểu thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời tăng cường tuyên truyền, khuyến khích tổ chức, công dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đối một số thủ tục hành chính.

Tiếp tục thực hiện Nghị định 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị về TTHC, trong quý I /2021 trên địa bàn huyện không tiếp nhận kiến nghị, phản ánh liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính.

Tổng số thủ tục hành chính cấp huyện tại thời điểm hiện tại là: 360 thủ tục, trong đó: Mức độ 2: 335 thủ tục; Mức độ 3: 19 thủ tục; Mức độ 4: 06 thủ tục.

Hiện nay UBND huyện đang đăng ký tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đối với 03 TTHC, trong quý I/2021 đã phát sinh 2 TTHC trả

kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích và đã thực hiện trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích 8 hồ sơ; Tiếp nhận giải quyết 34 hồ sơ phát sinh trên dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và 8 hồ sơ phát sinh ở mức độ 4.

### 3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Về tổ chức bộ máy: Hiện nay UBND huyện có 13 cơ quan chuyên môn thuộc huyện; 05 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện.

### 4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Về quản lý biên chế

<b>Tổng số biên chế, lao động được giao</b>			<b>Tổng số biên chế, lao động hiện có</b>		
<b>Biên chế hành chính</b>		<b>Biên chế sự nghiệp</b>	<b>Biên chế hành chính</b>		<b>Biên chế sự nghiệp</b>
<i>Biên chế</i>	<i>Hợp đồng lao động</i>		<i>Biên chế</i>	<i>Hợp đồng lao động</i>	
76	04	649	69	04	624

- Thực hiện các quy định quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Về điều động, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức quý I/2021: Chủ tịch UBND huyện Quyết định điều động và bổ nhiệm mới 02; bổ nhiệm lại 01 công chức lãnh đạo quản lý thuộc các phòng ban của UBND huyện.

- Về bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm: UBND huyện đã thường xuyên chỉ đạo cho các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp công lập bố trí cho công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tiếp tục thực hiện giải quyết các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của pháp luật như: nâng lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ ốm đau, thai sản.

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Ngay từ đầu năm UBND huyện đã xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 và Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2021 -2025.

### 5. Cải cách tài chính công

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, UBND huyện đã ban hành quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các đơn vị dự toán, các đơn vị dự toán ngân sách thuộc huyện đã tiếp tục triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý tài chính theo đúng quy định và các Thông tư hướng dẫn.

UBND huyện đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc tự chủ của từng cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. Hiện nay 13/13 đơn vị hành chính thuộc huyện, 10/10 xã, thị trấn đã thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ; 30/30 đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Nhìn chung các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã nhận thức rõ trách nhiệm trong việc quản lý ngân sách được giao, thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách, chủ động bố trí, sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định.

## **6. Hiện đại hóa hành chính**

a) Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại cơ quan, đơn vị

- Hiện nay, Trang thông tin điện tử huyện hoạt động tốt, tin bài cung cấp phong phú phản ánh toàn diện các hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, quốc phòng an ninh, trong đó có xây dựng chuyên mục cải cách hành chính. Thông qua hoạt động của Trang đã góp phần quảng bá hình ảnh đất và người An Lão, quảng bá cảnh đẹp thiên nhiên, tiềm năng du lịch đến với mọi miền đất nước và cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Đồng thời thông qua việc tăng cường cập nhật các tin, bài về cải cách hành chính đã góp phần tuyên truyền hiệu quả, đưa cải cách hành chính đến với tất cả cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

- Để tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, ngày 17/02/2021 UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND “về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước huyện An Lão”; qua đó tiếp tục từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của huyện và UBND các xã, thị trấn nhằm nâng cao hiệu quả công tác; từng bước hiện đại hóa trang thiết bị máy móc và phương tiện làm việc nhằm cải thiện điều kiện làm việc và phát huy hiệu quả công tác của CBCC.

Tiếp tục chỉ đạo sử dụng, vận hành tốt hệ thống văn phòng điện tử tại 100% cơ quan, đơn vị, địa phương trên toàn huyện trong việc điều hành, quản lý, gửi nhận văn bản điện tử; Tiếp tục thực hiện chữ ký số công cộng tại 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương trên toàn huyện

- Về tình hình sử dụng hộp thư công vụ: ngày 07/03/2021 UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND của UBND huyện về việc kiểm tra sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ, theo đó kế hoạch sẽ tiến hành kiểm tra thực tế định kỳ hằng quý tại các xã, thị trấn về tình hình sử dụng hộp thư điện tử công vụ, nhằm đẩy mạnh quán triệt cán bộ, công chức thực hiện việc gửi và nhận tài liệu qua hộp thư công vụ nhằm nâng cao tỉ lệ sử dụng trên địa bàn huyện, đồng thời góp phần phát huy hiệu quả trong việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức.

- Hiện nay UBND huyện đang triển khai tiếp nhận TTHC trên dịch vụ công trực tuyến với 335 thủ tục ở mức độ 2, 19 thủ tục thực hiện ở mức độ 3 và 6 thủ tục mức độ 4, triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn tăng cường thực hiện. Đồng thời tiếp tục chỉ đạo cho UBND các xã, thị trấn, bộ phận một cửa huyện cử công chức hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục hành chính có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại Bộ phận một cửa, đảm bảo 100% thủ tục hành chính có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.

b) Tình hình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001

Tiếp tục thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động các cơ quan nhà nước theo đúng quy trình, nội dung và thời gian quy định theo từng lĩnh vực. Hiện nay toàn huyện có 13 ban ISO: UBND huyện, Phòng TN-MT, Phòng GD&ĐT và 10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

- Công tác cải cách hành chính trong quý I được UBND huyện quan tâm, chỉ đạo, điều hành nên có nhiều chuyển biến tích cực. Việc hướng dẫn và đôn đốc cải cách hành chính, nhất là thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ “Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông” của cơ quan thường trực đã mang lại hiệu quả tích cực.

- Công tác triển khai kế hoạch cải cách hành chính được các ngành, địa phương quan tâm thực hiện. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương đã từng bước cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, góp phần phục vụ các tổ chức, cá nhân ngày càng tốt hơn.

#### **2. Những tồn tại hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác CCHC cũng còn một số tồn tại như:

- Việc rà soát, cập nhật và bổ sung các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của cấp huyện, cấp xã chưa thực hiện thường xuyên; Tỷ lệ hồ sơ TTHC phát sinh ở mức độ 3, mức độ 4 còn thấp.

- Phần lớn các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn thời gian qua sử dụng hộp thư công vụ trong việc trao đổi văn bản quản lý nhà nước tỷ lệ còn thấp.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc, có nơi còn chưa nghiêm túc.

#### **IV. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI**

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quyết định số 3945/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện “Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện An Lão năm 2021”.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ “Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông” tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện; Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh

- Tổ chức thẩm định chỉ số CCHC năm và tổ chức Hội nghị công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2020DDT Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính.

- Tiến hành xây dựng kế hoạch và kiểm tra tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác cải cách hành chính và công tác công vụ.

- Tiếp tục rà soát tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan hành chính nhà nước, UBND các xã, thị trấn; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức theo đúng quy định.

- Nâng cao chất lượng thực hiện và giám sát hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế 1 cửa, cơ chế một cửa liên thông của cấp huyện và UBND các xã, thị trấn.

#### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề nghị Sở Nội vụ :

- Tác động Sở Thông tin - Truyền thông nâng cấp và tăng dung lượng đường truyền trong việc sử dụng hộp thư công vụ của cán bộ, công chức.

- Mở các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về cải cách hành chính để nâng cao kỹ năng thực hiện cải cách hành chính; thường xuyên mở lớp tập huấn cho công chức cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC nhà nước quý I/2021 và phương hướng nhiệm vụ công tác cải cách hành chính quý II/2021 của UBND huyện, UBND huyện An Lão kính báo cáo Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT

**CHỦ TỊCH**

**Trương Tú**



**Phụ lục 1**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HUYỆN AN LÃO**  
*(Số liệu từ 01/01/2021 đến 28/01/2021)*  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2021 của UBND huyện An Lão)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	34	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	12	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	3	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		
3.2.	Vận hành Công dịch vụ công			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	36	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	33	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	90	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	10	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,9	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,79	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 2 cấp).	%	98,94	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 2 cấp).	%	100	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	3	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	3	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	3	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	<i>Số DVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số DVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số DVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị	5	
	<i>Tỷ lệ DVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	76	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	69	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	04	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	01	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	100	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		702	
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	705	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	702	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	16	Do sáp nhập sự nghiệp VHTT và sự nghiệp khác; SN Giáo dục không giảm
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	13	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	5	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	2	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức <i>(cả về Đảng và chính quyền)</i> .			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	28	03 Đơn vị SNCL thuộc huyện và 25 đơn vị SNCL thuộc phòng GD &ĐT
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	Đang triển khai	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử <i>(Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	<b>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</b>	%		
7.7.2.	<b>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</b>	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	32	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	6	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	100	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	90	



**Phụ lục 2**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HUYỆN AN LÃO**

(Số liệu báo cáo từ 01/01/2021 đến 28/02/2021)

(Kèm theo Báo cáo số:           /BC-UBND ngày / / 2021 của UBND huyện )

**1. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

a) Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị

Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
		Số TTHC được công bố đúng thời gian quy định	Số TTHC được công bố chậm so với thời gian quy định			Số TTHC liên thông ngang <sup>1</sup>	Số TTHC liên thông dọc <sup>2</sup>	
360	360	360	0	33	33	1	32	

b) Tình hình giải quyết hồ sơ

Lĩnh vực	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
	Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết		Số hồ sơ đang giải quyết				
		Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
Quy hoạch, kiến trúc	1	1		1	1					
Thi đua, khen thưởng	79	73	6	78	78		1	1		
Lưu thông hàng hóa trong nước										
Đất đai	173	70	103	117	116	1	56	56		
Giáo dục và Đào tạo	14		14	14	14					
Bảo Trợ Xã Hội	159	14	145	156	156		3	3		

<sup>1</sup> Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC

Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh	9	1	8	8	8		1	1		
Kinh doanh khí	1		1	1	1					
Môi trường	1		1	1	1					
Quản lý hoạt động xây dựng	8	5	3	6	6		2	2		
Người Có Công	14	2	12	10	10		4	4		
Chứng thực	1.297		1.297	1.297	1.295	2				
Đăng ký biện pháp bảo đảm	51		51	51	51					
Quản lý chất lượng công trình xây dựng	13		13	13	13					
Hộ tịch	240	5	235	236	236		4	4		
<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>2.060</b>	<b>183</b>	<b>1.877</b>	<b>1.989</b>	<b>1.986</b>	<b>3</b>	<b>71</b>	<b>71</b>		

c) Tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)

Số TTHC đăng ký TN&TKQ qua dịch vụ BCCI		Số hồ sơ đã tiếp nhận			Số hồ sơ đã trả kết quả			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
Tổng số	Số hồ sơ tiếp nhận tại nơi giải quyết		Số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Tổng số		Số hồ sơ đã trả kết quả tại nơi giải quyết	Số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
3	2	8	8	0	8	0	8	

**2. Về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính**

Số lượng phòng	Số lượng lãnh đạo	Số lượng lãnh	Số lượng biên	Thực hiện tinh	Ghi
----------------	-------------------	---------------	---------------	----------------	-----

chuyên môn trực thuộc		UBND cấp huyện		đạo cấp phòng và tương đương		chế hành chính		giản biên chế		chú
Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
13	0	2	0	24	0	76	0	01		

### 3. Về cải cách chế độ công vụ, công chức

a) Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	13	
2	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc chưa bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0	
3	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	5	
4	Số đơn vị sự nghiệp chưa bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0	
5	Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất trong quá trình triển khai thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm		
6	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ		

b) Cán bộ công chức cấp xã (đối với UBND huyện, thị xã, thành phố)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Ghi chú
1	Số lượng công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	101	100/101
2	Số lượng cán bộ, cấp xã đạt chuẩn theo quy định	98	98/98
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	0	

### 4. Về cải cách tài chính công

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	13/13	

2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ	30	
2.1	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	
2.2	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0	
2.3	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	2	
2.4	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	28	
3	Số đơn vị hành chính cấp xã được giao tự chủ hành chính	10/10	

### 5. Kết quả ứng dụng CNTT và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú		
Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ tiếp nhận			
	Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng	
1083	0	1083	19	34	0	34	06	8	0	8	

### 6. Xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số TTHC áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001	282	Cấp huyện 282/360
2	Thống kê số lượng UBND cấp xã thực hiện ISO theo kế hoạch của UBND tỉnh.	10	

